TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2019/HNGĐ - ST
Ngày 30/5/2019
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN – TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Hữu Long.

Bà Nguyễn Bích Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng — *Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa: Ông Đào Xuân Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn – TP. Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 108/2019/TLST - HNGĐ ngày 21/3/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐST - HNGĐ ngày 15/5/2019 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: **Chị Tạ Thị H**, sinh 1985.

Nơi cư trú: Thôn TT, xã MT, h. Sóc Sơn, TP. Hà Nội.

2- Bị đơn: **Anh Bùi Văn H1**, sinh 1983.

Nơi cư trú: Thôn TT, xã MT, h. Sóc Sơn, TP. Hà Nội.

Có mặt chị H, anh H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 01/3/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Tạ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn H1 tìm hiểu nhau khoảng 4 tháng thì tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND. xã MT năm 2004. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu và sống chung cùng gia đình anh H1 khoảng 1 năm thì ra ở riêng tại TT, MT. Quá trình chung sống, vợ chồng chị sống không hạnh phúc do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, kinh tế gia đình khó khăn, hai vợ chồng không công ăn việc làm lại phải nuôi 3 con nhỏ, anh H1 chơi bời cờ bạc, không có trách nhiệm với con cái, một mình chị phải lo toan kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh nhau. Chị đã nhiều lần muốn ly hôn nhưng thương các con nên chị cố chịu đựng để các con có bố có mẹ. Tuy nhiên anh không hề thay đổi, thường xuyên rượu chè, cờ bạc, ghen tuông nghi ngờ chị ngoại tình và bêu xấu chị khắp làng khiến chị không thể tiếp tục chung sống với anh H1 được nên anh chị đã quyết đi sống ly thân từ tháng 3/2019 đến nay, chị không còn tình cảm gì với anh H1, đề nghị Tòa án cho chị ly hôn anh H1 để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là Bùi Thị Thu T, sinh 26/4/2005; Bùi Thị Th, sinh 16/8/2007 và Bùi Đức Th1, sinh 08/10/2011. Ly hôn, chị có nguyện vọng xin nuôi cháu Th và cháu Th1, để anh H1 nuôi cháu T. Nhưng nếu các con đều có nguyện vọng muốn được sống cùng anh H1 thì chị cũng đồng ý để anh H1 nuôi 03 con và chị xin cấp dưỡng nuôi 03 con 1.000.000đ/tháng/3con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất nông nghiệp, công nợ, công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 21/3/2019 và những lời khai tiếp theo, bị đơn là anh Bùi Văn H1 trình bày:

Anh xác nhận lời khai của chị H về thời gian tìm hiểu và đăng ký kết hôn của anh chị. Nhưng về quá trình chung sống, anh không đồng ý với lời khai của chị H và khai: Anh chị tự nguyện kết hôn năm 2004 và chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn do chị H ngoại tình. Do thương con và yêu vợ nên anh đã tha thứ cho chị H nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ cho con các con đỡ khổ. Nhưng

đến khoảng tháng 4/2019, khi vợ chồng đang chung sống hạnh phúc thì chị H đòi mở Spa, cũng từ đó chị H bắt đầu thay đổi, thường xuyên đi sớm về khuya, bỏ mặc, không quan tâm gì đến bố con anh, mọi việc chăm lo cho gia đình, con cái đều do anh cáng đáng và còn đòi ly hôn anh. Sau khi tìm hiểu, anh phát hiện chị H ngoại tình, anh và gia đình đã khuyên nhủ chị H nhiều nhưng không có kết quả. Nay chị H xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn với chị H vì anh còn rất yêu chị H và thương các con, đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ cho vợ chồng anh.

Đối với việc chị H ngoại tình, anh có bằng chứng cụ thể nhưng anh không yêu cầu Cơ quan chức năng giải quyết về vấn đề này.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 03 con chung là Bùi Thị Thu T, sinh 26/4/2005; Bùi Thị Th, sinh 16/8/2007 và Bùi Đức Th1, sinh 08/10/2011. Ly hôn, anh xin nuôi 03 con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất nông nghiệp, công nợ, công sức đóng góp: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng là chị H, anh H1: Kể từ ngày nhận đơn, thụ lý vụ án, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử:

- Cho chị Tạ Thị H được ly hôn anh Bùi Văn H1.

- Về con chung: Giao 03 con chung là Bùi Thị Thu T, sinh 26/4/2005; Bùi Thị Th, sinh 16/8/2007 và Bùi Đức Th1, sinh 08/10/2011 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị H.

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị H, anh H1 không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ và đất sản xuất nông nghiệp.

- Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến Viện kiểm sát và đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền: Anh Bùi Văn H1 có nơi cư trú tại thôn TT, xã MT, h. Sóc Sơn, TP. Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn – TP. Hà Nội giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị H và anh Bùi Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND. xã MT, huyện Sóc Sơn, Tp. Hà Nội ngày 24/02/2004. Hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị H, anh H1 chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị H cho rằng do kinh tế gia đình khó khăn, hai vợ chồng không công ăn việc làm lại phải nuôi 3 con nhỏ, anh H1 chơi bời cờ bạc, không có trách nhiệm với con cái, một mình chị phải lo toan kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã to tiếng. Anh H1 lại cho rằng vợ chồng mâu thuẫn do chị H ngoại tình, thường xuyên đi sớm về muộn, không chăm sóc con cái. Quá trình giải quyết vụ án, chị H, anh H1 đều xác nhận mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc. Tuy nhiên anh H1 không đồng ý ly hôn và mong chị H nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy các con nhưng anh không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Đồng thời xác minh tại địa phương nơi anh chị cư trú cho thấy tình cảm giữa anh chị không thể hàn găn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh H1 là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Bùi Thị Thu T, sinh 26/4/2005; Bùi Thị Th, sinh 16/8/2007 và Bùi Đức Th1, sinh 08/10/2011.

Xét thấy, anh H1 có nơi ở ổn định, có điều kiện để đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần cho các con. Đồng thời quá trình điều tra, 03 con đều có nguyện vọng xin được sống cùng anh H1, bản thân anh H1 xin được nuôi 03 con chung, chị H đồng ý và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng/03 con. Như vậy ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ, công sức, đất nông nghiệp: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H, anh H1 không yêu cầu Tòa giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ điều 143, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 143, 147, 227, 267, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 25, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị H được ly hôn anh Bùi Văn H1.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị H, anh H1 giao 03 con chung là Bùi Thị Thu T, sinh 26/4/2005; Bùi Thị Th, sinh 16/8/2007 và Bùi Đức Th1, sinh 08/10/2011 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; chị H cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng/3 con, kể từ tháng 6/2019 đến khi con 18 tuổi, lao động tự túc được hoặc có quyết định khác có hiệu lực pháp luật thay thế.

Chị H được quyền thăm, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản chị thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp và đất nông nghiệp: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H, anh H1 không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn – BL số: 0001739 ngày 21/3/2019. Chị H còn phải nộp 300.000đ.

Chị H, anh H1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận
- Đương sự;
- VKSND. huyện Sóc Sơn;
- THA. huyện Sóc Sơn;
- UBND. xã MT;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ THU HẰNG